

Số: 105 / 2026/CV-JVC  
(V/v: CBTT BCTC năm 2025 sau kiểm toán  
và Giải trình biến động LNST)

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

**Kính gửi:**

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Y TẾ - DƯỢC PHẨM VIỆT NAM**  
- Mã chứng khoán: **JVC**  
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.  
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578  
- Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Văn Toàn**  
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội.  
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516  
- Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu :  định kỳ

Nội dung thông tin công bố (\*):

Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam công bố Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2025 (giai đoạn 01/01/2025 - 31/12/2025) sau kiểm toán được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:  
<https://vmpi.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>
- Giải trình Báo cáo tài chính năm 2025 sau kiểm toán (giai đoạn 01/01/2025 - 31/12/2025) do Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 so với năm 2024 có sự biến động hơn 10% cụ thể như sau:

**a. Báo cáo tài chính riêng năm 2025 (giai đoạn 01/01/2025 - 31/12/2025)**

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 01/01/2025 đến 31/12/2025	Giai đoạn 01/01/2024 đến 31/12/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	730,882,507,718	586,277,496,920	144,605,010,798	25%
2	Giá vốn hàng bán	590,380,659,917	445,003,317,562	145,377,342,355	33%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	14,775,966,268	27,659,059,028	(12,883,092,760)	(47%)
4	Chi phí tài chính	14,580,920,132	944,640,706	13,636,279,426	1,444%
5	Trong đó: Chi phí lãi vay	12,478,032,874	5,437,218,352	7,040,814,522	129%
6	Chi phí bán hàng	52,892,711,107	61,381,274,747	(8,488,563,640)	(14%)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	38,054,791,200	46,563,063,633	(8,508,272,433)	(18%)
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	49,749,391,630	60,044,259,300	(10,294,867,670)	(17%)



STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 01/01/2025 đến 31/12/2025	Giai đoạn 01/01/2024 đến 31/12/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
9	Thu nhập khác	20,497,386,288	11,669,499,905	8,827,886,383	76%
10	Chi phí khác	4,233,133,508	7,539,391,526	(3,306,258,018)	(44%)
11	Lợi nhuận khác	16,264,252,780	4,130,108,379	12,134,144,401	294%
12	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>66,013,644,410</b>	<b>64,174,367,679</b>	<b>1,839,276,731</b>	<b>3%</b>
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	12,380,536,180	20,624,667,222	(8,244,131,042)	(40%)
14	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>53,633,108,230</b>	<b>43,549,700,457</b>	<b>10,083,407,773</b>	<b>23%</b>

**Giải trình:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 tăng 23% so với cùng kỳ năm trước do một số yếu tố chính như sau:

- Mức độ cạnh tranh trong ngành gia tăng, giá vốn tăng 33%, chi phí tài chính tăng mạnh 1.444% dẫn đến lợi nhuận thuần giảm 17%.
- Thu nhập khác chủ yếu từ khoản hỗ trợ của Hãng tăng 76%, trong khi chi phí khác giảm 44% so với cùng kỳ góp phần vào việc tăng Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty lên 3% so với năm 2024.
- Bên cạnh đó, Chi phí thuế thu nhập hiện hành giảm 40% so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 sau kiểm toán tăng 23% so với năm 2024.

**b. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 sau kiểm toán (giai đoạn 01/01/2025 - 31/12/2025)**

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 01/01/2025 đến 31/12/2025	Giai đoạn 01/01/2024 đến 31/12/2024	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>763,153,277,525</b>	<b>611,540,459,301</b>	<b>151,612,818,224</b>	<b>25%</b>
2	Giá vốn hàng bán	614,235,835,215	463,968,739,756	150,267,095,459	32%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	14,868,562,764	27,677,414,340	(12,808,851,576)	(46%)
4	Chi phí tài chính	16,785,051,542	6,261,510,071	10,523,541,471	168%
5	Trong đó: Chi phí lãi vay	14,682,164,284	5,437,218,352	9,244,945,932	170%
6	Chi phí bán hàng	53,083,600,696	62,073,875,028	(8,990,274,332)	(14%)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	43,038,157,200	48,988,223,987	(5,950,066,787)	(12%)
8	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>50,879,195,636</b>	<b>57,925,524,799</b>	<b>(7,046,329,163)</b>	<b>(12%)</b>
9	Thu nhập khác	14,997,386,291	8,927,990,108	6,069,396,183	68%
10	Chi phí khác	4,422,546,069	7,988,506,018	(3,565,959,949)	(45%)
11	Lợi nhuận khác	10,574,840,222	939,484,090	9,635,356,132	1026%
12	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>61,454,035,858</b>	<b>58,865,008,889</b>	<b>2,589,026,969</b>	<b>4%</b>
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	12,498,675,840	20,628,655,090	(8,129,979,250)	(39%)
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(994,645,333)	(2,099,742,262)	1,105,096,929	53%
15	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>49,950,005,351</b>	<b>40,336,096,061</b>	<b>9,613,909,290</b>	<b>24%</b>

17880  
 NG TY  
 PHẦN  
 ẦU TƯ  
 ĐƯỢC P  
 T NA  
 3 - TP.

**Giải trình:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025 tăng 24% so với cùng kỳ năm trước do một số yếu tố chính như sau:

- Mức độ cạnh tranh trong ngành gia tăng, giá vốn tăng 32%, Chi phí tài chính tăng mạnh 168% dẫn đến lợi nhuận thuần giảm 12%.
- Thu nhập khác chủ yếu từ khoản hỗ trợ của Hãng tăng 68%, trong khi chi phí khác giảm 45% so với cùng kỳ góp phần vào việc tăng Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty lên 4% so với năm 2024.
- Bên cạnh đó, Chi phí thuế thu nhập hiện hành giảm 39% so với cùng kỳ năm trước, Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng 53% dẫn đến Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 sau kiểm toán tăng 24% so với năm 2024.

Công ty Cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VP.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



VŨ VĂN TOÀN